

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PETECHIM JSC)**



**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2023

Số: 10.../QĐ-TMDK

Tp.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim được sửa đổi và bổ sung lần 10 ngày 23/04/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Thương mại Dầu khí như sau:

Thời gian: 08:00 ngày 25 tháng 4 năm 2023;

Địa điểm: Trụ sở Công ty, Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Thành phần: Khách mời, cổ đông và đại diện cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí theo danh sách chốt tại ngày 20/3/2023.

Nội dung họp:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch 2023;
- Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả HĐ SXKD năm 2022, kế hoạch 2023;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán;
- Báo cáo về các nội dung tài chính;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2022, KH 2023;
- Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023;
- Bầu bổ sung thành viên BKS;
- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Tất cả thành viên của Công ty CP Thương mại Dầu khí có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, HĐQT, NTKN (03b)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Chính

Số: ...11.../QĐ-TMDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
PHỤC VỤ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bổ sung, sửa đổi lần 10 ngày 23/04/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Thương mại Dầu khí bao gồm các ông, bà có tên sau:
1. Bà Lê Thị Hào - Trưởng ban
 2. Bà Nguyễn Thị Khánh Huyền - Thành viên
 3. Ông Trần Hữu Phước - Thành viên
- Điều 2.** Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Thương mại Dầu khí theo đúng các quy định của pháp luật.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Các ông bà có tên nêu trên và Công ty CP Thương mại Dầu khí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT, NTKN (03b)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Chính

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
(Ngày 25 tháng 4 năm 2023)

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Quy chế này quy định công việc điều hành, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu nhằm đảm bảo thực hiện quyền của cổ đông và quyết định của DH đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định thể thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí - PETECHIM và quyền, nghĩa vụ của cổ đông tham dự họp. Tất cả các đối tượng tham dự họp có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm của chủ tọa

- Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn thành phần tham dự họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp và các vấn đề liên quan trong suốt quá trình làm việc.
- Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của cuộc họp hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp.
- Có quyền trì hoãn cuộc họp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến tại cuộc họp, nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của một số người có mặt cản trở hoặc có khả năng gây mất trật tự cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm của Ban thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
- Soạn thảo Biên bản và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.



Điều 5. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Hướng dẫn việc bỏ phiếu biểu quyết.
- Làm việc trung thực, khách quan
- Phát và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu.
- Báo cáo với Đại hội cổ đông về kết quả kiểm phiếu, xác định và báo cáo với Đại hội cổ đông về những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại liên quan đến việc kiểm phiếu, nếu có.

Điều 6. Quyền của các cổ đông khi tham dự cuộc họp

- Được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của cuộc họp.
- Được Ban tổ chức cuộc họp cung cấp chương trình, tài liệu cuộc họp để xem xét và thảo luận trực tiếp tại cuộc họp.
- Được phát Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện khi chốt danh sách tham dự cuộc họp.
- Cổ đông đến dự họp muộn có quyền được đăng ký vào dự và có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết ngay tại cuộc họp nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được cuộc họp thông qua trước đó. Hiệu lực của các đợt biểu quyết trước đó vẫn bảo lưu kết quả đã tiến hành.

Điều 7. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự cuộc họp

- Tuân thủ các quy định tại quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của chủ tọa cuộc họp và tôn trọng kết quả biểu quyết của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.
- Trường hợp là cá nhân thì phải xuất trình bản gốc giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu) và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền) khi đăng ký tham dự.
- Trường hợp là tổ chức thì phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó ký giấy giới thiệu và đóng dấu.
- Ngồi vào vị trí theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức cuộc họp.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp. Máy điện thoại di động nên tắt hoặc để chế độ rung trong thời gian diễn ra cuộc họp và chỉ nên nói chuyện ở bên ngoài phòng họp trong trường hợp cần thiết.
- Giữ gìn trật tự cho đến khi kết thúc cuộc họp.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại cuộc họp.

- *Nguyên tắc:* Cổ đông tham dự họp muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký và được sự đồng ý của chủ tọa. Trong quá trình cổ đông phát biểu, Chủ tọa có quyền yêu cầu ngưng nếu nội dung không thích hợp với chủ đề hoặc không mang tính xây dựng.
- *Cách thức phát biểu:* Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được cuộc họp thông qua,

47723
CÔNG TY
PHÂN
HÀNH M
CỔ ĐÔNG
KHÍ
PHỔ CH

thời gian phát biểu không quá 10 phút/lần. Chủ tọa sẽ mời cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp.

- Việc thông qua Quy chế làm việc, Chương trình họp, Bầu nhân sự cho các Ban phục vụ cuộc họp, các vấn đề cần quyết nghị trong chương trình và biên bản làm việc tại cuộc họp phải được biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty.
- Các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
- Cổ đông thể hiện ý kiến của mình tại cuộc họp bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi chủ tịch đoàn yêu cầu (đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác)
- Các vấn đề được biểu quyết trong cuộc họp được thông qua theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông phải được Ban Thư ký cuộc họp ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Những nội dung thuộc chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đã được cuộc họp biểu quyết thông qua phải được phản ánh trong Nghị quyết của cuộc họp.
- Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua tại cuộc họp.

Điều 11. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này được cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2023 thông qua và có hiệu lực ngay trong quá trình diễn biến cuộc họp ngày **25/4/2023**.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Đức Chính

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông ngày 20/03/2023).

Điều 2. Chủ tọa đoàn tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử

Chủ tọa đoàn tại Đại hội có trách nhiệm:

1. Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử bổ sung thành viên BKS.
2. Đề cử ban kiểm phiếu.
3. Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
4. Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

Điều 3. Đề cử, ứng cử bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát:

Việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ĐHĐCD thường niên thông qua ngày 23/4/2022.

Điều 4. Phương thức bầu cử:

1. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu bổ sung thành viên BKS được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân (x) với số thành viên được bầu bổ sung của BKS.
- Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng).

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu bổ sung thành viên BKS.
- Cổ đông ghi Mã, Cổ phần sở hữu, Cổ phần uỷ quyền, Tổng số cổ phần và Tổng số phiếu biểu quyết vào phiếu bầu BKS tương ứng dựa trên thông tin trong phiếu biểu quyết.



- Các cổ đông điền số phiếu bầu quyết cho mỗi thành viên mà mình tín nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn tổng số quyền biểu quyết của mỗi cổ đông. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ.
 - Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được kiểm tra, niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
 - Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
 - Phiếu bầu có tổng số cổ phần tín nhiệm cho các thành viên lớn hơn số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu.
4. Kiểm phiếu:
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử.
 - Việc kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.
 - Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
 - Phiếu bầu cử và tài liệu kiểm phiếu sẽ được Trưởng ban kiểm phiếu niêm phong lại sau khi kiểm và chỉ được mở ra kiểm tra khi có yêu cầu của Đại hội cổ đông của Công ty.

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử:

1. Ứng viên trúng cử thành viên BKS được chọn theo số phiếu bầu từ cao đến thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định.
2. Trường hợp có những ứng cử viên cùng đạt số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức để bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.
3. Trường hợp kết quả bầu cử không đủ số thành viên theo quy định thì sẽ tiến hành bầu cử bổ sung lần hai đối với các ứng cử viên chưa đạt ở lần một. Ứng viên có phiếu bầu cao hơn sẽ là người trúng cử.

Điều 7. Điều khoản thi hành:

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được ĐHDCĐ thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Đức Chính



DANH MỤC TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
2. Báo cáo về các nội dung tài chính;
3. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán;
4. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
5. Báo cáo kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
6. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;
7. Tờ trình về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát;
8. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.



**CHƯƠNG TRÌNH
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Thời gian: Từ 08h00, ngày 25/04/2023

Địa điểm: Trụ sở Công ty Petechim

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	08h00-08h30	Tiếp đón đại biểu và cổ đông
2	08h30-08h35	Khai mạc: Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu
3	08h35-08h40	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông
4	08h40-08h45	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội
5	08h45-08h50	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc
6	08h50-09h10 (20')	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023
7	09h10-09h25 (15')	Báo cáo về các nội dung tài chính
8	09h25-09h45 (20')	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023
9	09h45-09h55 (10')	Báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát và Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Petechim.
10	09h55-10h05 (10')	Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát
11	10h05-10h20	Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát
12	10h20-10h45	Thảo luận và giải đáp ý kiến của cổ đông
13	10h45-10h55	Biểu quyết các nội dung của Đại hội
14	10h55-11h05	Phát biểu của đại diện các cổ đông lớn
15	11h05-11h15	Công bố kết quả bầu cử và kết quả kiểm phiếu
16	11h15-11h30	Thông qua Nghị quyết Đại hội
17	11h30	Bế mạc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Điều hành Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

PHẦN I BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

- Giá trị thương hiệu Petechim trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
- Sự ủng hộ của các cổ đông lớn như PVOIL, Sovico Group và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng truyền thống trong và ngoài nước.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ đã mở ra định hướng kinh doanh mới, phù hợp với biến động của thị trường và tạo cơ hội cho những bước đột phá để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới.
- Bộ máy tổ chức đi vào ổn định, công tác tái cấu trúc đã bắt đầu mang lại những chuyển biến tích cực, tập thể lãnh đạo và CBNV đoàn kết, có trình độ, tâm huyết, trách nhiệm.

2. Khó khăn:

- Diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh Nga-Ukraine, tình hình địa chính trị bất ổn, sự biến động khó lường của giá dầu khí và thị trường năng lượng toàn cầu, sự khan hiếm nguồn cung xăng dầu, biến động tỷ giá ngoại tệ, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, chi phí leo thang, ... đã tiếp tục tác động mạnh đến các ngành sản xuất.
- Do gánh nặng chi phí, các hoạt động đầu tư và khai thác còn dè dặt, các dự án đầu tư mới vẫn chậm triển khai, ngân sách mua sắm thường xuyên của các khách hàng truyền thống tiếp tục bị hạn chế tới mức thấp nhất, các lĩnh vực kinh doanh mới chưa phát huy tác dụng nên việc thực hiện công tác thương mại dịch vụ của Petechim để hoàn thành kế hoạch năm 2022 gặp muôn vàn khó khăn và thách thức.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

1. Các nhóm giải pháp để thực hiện kế hoạch SXKD 2022:

1.1 Hoạt động kinh doanh:

- Tích cực tham gia hoạt động thương mại đấu thầu cả trong và ngoài ngành Dầu khí;
- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, liên doanh với các đối tác chiến lược để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, đồng thời nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh cho Petechim;
- Tận dụng sự ủng hộ của các cổ đông lớn để triển khai các hoạt động kinh doanh gắn với định hướng phát triển của ngành dầu khí và chiến lược phát triển hoạt động của tập đoàn Sovico nhằm xây dựng hoạt động cốt lõi, ổn định cho Công ty;
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội phát triển lĩnh vực Logistics, trong đó có việc duy trì mảng dịch vụ vận tải hàng không và một số dịch vụ nhỏ khác;
- Kiên trì, nỗ lực trong công tác giải quyết tồn đọng, nợ xấu để thu hồi vốn và lành mạnh hoá các chỉ số tài chính;

1.2 Công tác quản trị:

- Tiếp tục quán triệt các biện pháp quản lý chặt chẽ để tiết kiệm chi tiêu;
- Quyết liệt trong quản lý dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả thực hiện HĐ nhằm bảo toàn doanh thu, lợi nhuận và nâng cao uy tín của Petechim;
- Phát huy mô hình task force và mở rộng hợp tác kinh doanh để tối ưu hoá nguồn lực;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp, đoàn kết và hiệu quả;

2. Các chỉ tiêu chính đã đạt được năm 2022 của Công ty mẹ Petechim:

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ % so với	
					KH 2022	TH 2021
1	Tổng doanh thu	126,75	250,00	98,03	39,21%	77,34%
2	Tổng chi phí	126,51	247,00	97,19	39,35%	76,82%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	0,24	3,00	0,84	28,00%	350,00%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0,24	3,00	0,55	18,33%	229,17%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	2,90	4,50	1,46	32,44%	50,34%

3. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2022:

- Năm 2022, việc triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn trong điều kiện còn nhiều hạn chế về nguồn lực, số lượng và quy mô đơn hàng giảm mạnh khiến biên lợi nhuận của các HĐ thương mại ngày càng bị thu hẹp.
- Tuy kết quả đạt được còn hạn chế, song với tinh thần đoàn kết, tập trung quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn kiên trì bám sát đối tác/khách hàng, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh và nỗ lực hết sức để vượt khó.
- Công ty đã chủ động khắc phục khó khăn và không ngừng nỗ lực tham gia đấu thầu để tìm cơ hội ký được HĐ và tích lũy thu nhập qua từng đơn hàng. Đồng thời triển khai dịch vụ tư vấn bán hàng và phân phối sản phẩm thiết bị tiết kiệm điện FORCE để tìm cơ hội mở rộng kinh doanh và tăng thêm thu nhập.

4. Các hoạt động đầu tư:

- Đầu tư góp vốn:

Đến nay Petechim còn góp vốn vào 4 DN với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

- Đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ:

+ Trong năm 2022, Công ty không thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ.

+ Tình hình sử dụng TSCĐ đến thời điểm hiện tại: theo Nghị quyết của HĐQT, Công ty đã hoàn tất việc bán CHXD tại Cà Mau để thu hồi vốn và cho thuê một phần diện tích trụ sở văn phòng tại quận 7, Tp HCM để tạo nguồn bù đắp chi phí hoạt động.

5. Công tác quản lý cổ đông:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ chia làm 20.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 20/03/2023: 3.435 cổ đông.

6. Các hoạt động phát triển kinh doanh

Công ty kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu, lợi nhuận.

III. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của đơn vị thành viên – Công ty PAIC

Năm 2022 Công ty PAIC đã nỗ lực trong các hoạt động kinh doanh và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra. Doanh thu đạt 74,64 tỷ đồng (74,64% kế hoạch 2022 và bằng 62,98% năm 2021); Lợi nhuận sau thuế đạt 3,61 tỷ đồng (90% kế hoạch 2022 và bằng 98% năm 2021).

IV. Kết quả kinh doanh theo Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2022

1. Các chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất năm 2022:

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả BCTC riêng 2022		Kết quả BCTC hợp nhất 2022
		Công ty mẹ	PAIC	
1	Doanh thu BH & CCDV	98,03	74,64	172,67
2	Giá vốn	97,19	55,29	143,35
3	Lợi nhuận gộp	9,96	19,35	29,31
4	Lợi nhuận trước thuế	0,84	4,57	3,44
5	Lợi nhuận sau thuế	0,55	3,61	2,20

2. Đánh giá chung:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 172,67 tỷ đồng, tương đương 49,33% kế hoạch năm và bằng 70,4% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,44 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2,2 tỷ đồng (*chi tiết như Báo cáo Tài chính báo cáo tại ĐHCĐ*).
- Năm 2022, tuy kết quả hợp nhất chưa đạt kế hoạch nhưng tập thể lãnh đạo và CBNV đã đoàn kết và nỗ lực hết sức mình để giải quyết khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, vượt qua thách thức, nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện các mục tiêu kinh doanh.

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Dự báo tình hình kinh tế xã hội chung

- Năm 2023, dự báo nền kinh tế và thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng. Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước, dịch bệnh ở một số nước còn diễn biến phức tạp. Xu hướng thúc đẩy thích ứng, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức.
- Trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định; dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; quy định về "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" đã được phát huy; Chương trình phục hồi và phát triển KTXH tiếp tục được triển khai; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,...
- Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do tình hình chính trị thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; sự phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro và chưa vững chắc của kinh tế thế giới như tình trạng thiếu hụt nguồn cung, đứt gãy chuỗi cung ứng, chống tự do thương mại ở một số nơi, lạm phát tiếp tục tăng cao và trở thành vấn đề lớn tại nhiều quốc gia khiến năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu.

2. Kế hoạch các chỉ số tài chính chủ yếu năm 2023

DVT: VND

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch riêng		Kế hoạch hợp nhất
		Petechim	PAIC	
1	Doanh thu BH & CCDV	200.000.000.000	90.000.000.000	290.000.000.000
2	Giá vốn	183.500.000.000	55.950.000.000	239.450.000.000
3	Lợi nhuận gộp	16.500.000.000	34.050.000.000	50.550.000.000
4	Tổng chi phí	15.000.000.000	29.050.000.000	44.050.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	1.500.000.000	5.000.000.000	6.500.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	1.500.000.000	4.000.000.000	5.500.000.000

3. Chương trình hành động năm 2023

➤ Mục tiêu:

Mục tiêu chiến lược:

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận / lợi ích tạo ra cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động làm mục tiêu hoạt động.

Định hướng phát triển:

- Tiếp tục bám sát, gắn hoạt động của Petechim với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, đồng thời đa dạng hoá kinh doanh và các loại hình dịch vụ, từng bước xây dựng hoạt động lâu dài / cốt lõi tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.
 - Đóng vai trò cầu nối quan trọng của Tập đoàn Sovico trong lĩnh vực dầu khí - năng lượng - logistics để tận dụng các cơ hội kinh doanh trong hệ sinh thái chung của Tập đoàn.
- **Kế hoạch hành động:** Trong năm 2023, Công ty phải hành động tích cực và quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực để đạt được mục tiêu và kế hoạch được giao.

Đối với hoạt động SXKD:

● **Lĩnh vực Thương mại:**

- Duy trì hoạt động và giữ vững thị trường Dầu khí truyền thống với các đối tác lớn.
- Tăng cường bám sát để nắm bắt nhu cầu và tìm cơ hội cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng - sửa chữa trong các nhà máy khí - điện - đạm.
- Mở rộng hoạt động thương mại và cung ứng dịch vụ ra thị trường mới ngoài ngành dầu khí, nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

● **Lĩnh vực Dịch vụ:**

- Khôi phục lại các hoạt động dịch vụ dầu khí truyền thống của Petechim và phát triển các dịch vụ khác như cung ứng nhiên liệu, dịch vụ hàng hải, đại lý tàu,...
- Phát triển các dịch vụ logistics mới: Tìm kiếm khả năng phục hồi lại dịch vụ hàng không, tận dụng quan hệ hợp tác với SNP (Tân Cảng) để phát triển dịch vụ logistics đường biển.
- Cung cấp dịch vụ nhỏ/lẻ cho các dự án Điện - Năng lượng của EVN, PVN phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đặc biệt các dự án NLTT.
- Phối hợp chặt chẽ với Bộ phận năng lượng của Tập đoàn Sovico để cung cấp dịch vụ cho dự án năng lượng tái tạo mà Tập đoàn và các đối tác cùng đầu tư.
- Phối hợp với Công ty con PAIC để tham gia tích cực và hiệu quả với vai trò tư vấn, quản lý dự án, cung cấp nhân sự và dịch vụ bảo trì bảo dưỡng cho các dự án liên quan đến CNTT, chuyển đổi số và công nghệ 4.0 trên phạm vi cả nước.

- **Lĩnh vực Đầu tư:**

- Thực hiện rà soát danh mục đầu tư vào các công ty liên kết, thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư/thoái vốn để tập trung vốn cho SXKD và đầu tư cho các dự án khả thi trong lĩnh vực dịch vụ, logistics.
- Xem xét hướng tới hợp tác đầu tư phù hợp với năng lực trong lĩnh vực logistics & Năng lượng tái tạo với các đối tác có hợp tác toàn diện/chiến lược với Sovico Group và PVOil để tạo lập tài sản và nhằm tạo kết nối, cũng như tạo thị trường để cung cấp dịch vụ.

- **Lĩnh vực marketing và phát triển thị trường:**

- Kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu và lợi nhuận.
- Có giải pháp tận dụng giá trị thương hiệu Petechim để liên doanh, liên kết và hợp tác KD với các đối tác trong/ngoài ngành Dầu khí.
- Tổ chức thực hiện và triển khai mạnh mẽ các HĐ đã ký với ENPOSSS, Vinacom, đồng thời đẩy mạnh dịch vụ tư vấn bán hàng và làm đại lý phân phối sản phẩm cho các NSX, đặt mục tiêu ký được HĐ cung cấp thiết bị FORCE với các khách hàng chiến lược như Viettel, FPT, Mobphone, Vietsovpetro,...

Đối với công tác điều hành:

- **Hoạt động tài chính:**

- Quản lý sát sao, tiết kiệm chi phí, có biện pháp phòng ngừa rủi ro và đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
- Quyết liệt để giải quyết dứt điểm tồn đọng và nợ xấu, thu hồi vốn và lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty.
- Chú trọng công tác quản lý dự án để thanh quyết toán HĐ đúng hạn và bảo toàn hiệu quả kinh doanh, tránh phát sinh tồn đọng hoặc công nợ mới.

- **Hoạt động quản trị:**

- Tiếp tục chương trình tái cấu trúc, củng cố đội ngũ nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiệu quả.
- Củng cố đội ngũ nhân sự hiện có, gắn quyền lợi, trách nhiệm của người lao động với kết quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục phát huy mô hình Task Force để phát huy nội lực, đồng thời tăng cường sử dụng mạng lưới cộng tác viên từ bên ngoài, cũng như sử dụng nguồn lực outsourcing cho các dự án đòi hỏi các kiến thức và kinh nghiệm về chuyên môn cao như IT, Điện...để sử dụng phát huy được nguồn lực từ bên ngoài trong bối cảnh các nguồn lực bên trong và năng lực cạnh tranh hạn chế hiện nay của Petechim.
- Tập trung đầu tư cho việc thu hút, bổ sung, xây dựng lại đội ngũ nhân sự, khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân sự do khủng hoảng hậu Covid -19 đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn mới.

KIẾN NGHỊ

Ban điều hành đề xuất tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn để hoàn thành kế hoạch được giao trong năm 2023 và Công ty đạt được các bước phát triển có tính đột phá trong giai đoạn mới, cụ thể như sau:

- Tiếp tục tạo điều kiện và kết nối cho Petechim với các đối tác, khách hàng, cùng tham gia nghiên cứu các cơ hội đầu tư, liên doanh liên kết và cung ứng dịch vụ thương mại.
- Hỗ trợ để ký kết được các HĐ thương mại, dịch vụ trong các dự án dầu khí, công nghiệp, năng lượng và logistics.

KẾT LUẬN

- Trong hoàn cảnh khó khăn về mọi mặt, Công ty Petechim vẫn bền bỉ, kiên trì với chiến lược vừa duy trì hoạt động thương mại dịch vụ truyền thống để “lấy ngắn nuôi dài”, vừa nắm cơ hội mở rộng kinh doanh để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Kết thúc năm 2022, tuy không hoàn thành kế hoạch được giao nhưng Công ty đã nỗ lực đến mức cao nhất để giữ vững kết quả lợi nhuận dương.
- Bước sang năm 2023, tình hình kinh doanh vẫn chưa có nhiều dấu hiệu khởi sắc, thậm chí còn gặp nhiều khó khăn hơn, do đó Công ty đặt ra mục tiêu trước mắt là phần đầu thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn chủ sở hữu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động. Đồng thời tiếp tục công tác tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy nhân sự, tận dụng kinh nghiệm trong các hoạt động truyền thống để mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới và đa dạng hoá loại hình dịch vụ.

BDH chân thành cảm ơn sự quan tâm của HĐQT / Quý cổ đông và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông cũng như sự chỉ đạo của HĐQT nhằm triển khai thành công và hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh mới để đóng góp vào kết quả SXKD năm 2023 và tạo nền móng cho sự phát triển bền vững của Petechim trong thời gian tới.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHĐT, LTH (03).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Bích Hà



BÁO CÁO VỀ CÁC NỘI DUNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí (PETECHIM JSC) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 các nội dung tài chính như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2022 đã được kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ niên độ 2022 đã được kiểm toán.
3. Đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế.
4. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT.

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2022 đã được kiểm toán

- Báo cáo kết quả HĐSXKD hợp nhất niên độ tài chính 2022 (tóm tắt):

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	172.667.598.775	245.275.867.279
2. Giá vốn hàng bán	143.353.989.094	216.240.938.841
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	29.313.609.681	29.034.928.438
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.624.383.080	1.526.871.121
5. Lợi nhuận khác	1.821.314.519	1.185.739.999
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.445.697.599	2.712.611.120
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	2.203.445.376	1.503.879.028
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(14)

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất niên độ tài chính 2022 (tóm tắt):

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	221.757.985.204	248.635.240.650
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.458.809.652	57.766.200.238
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.492.325.347	46.818.857.603
Các khoản phải thu ngắn hạn	121.132.876.205	141.701.294.160
Hàng tồn kho	1.199.760.587	1.818.152.548
Tài sản ngắn hạn khác	474.213.413	530.736.101
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	86.449.801.420	77.538.181.672
Các khoản phải thu dài hạn	45.000.000	66.174.000
Tài sản cố định	45.552.292.055	49.286.015.770
Đầu tư tài chính dài hạn	38.000.000.000	24.000.000.000

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
Tài sản dài hạn khác	2.852.509.365	4.185.991.902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	308.207.786.624	326.173.422.322
C. NỢ PHẢI TRẢ	78.121.676.093	96.290.380.904
Nợ ngắn hạn	65.295.863.793	78.900.050.804
Nợ dài hạn	12.825.812.300	17.390.330.100
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	230.086.110.531	229.883.041.418
Vốn chủ sở hữu	230.086.110.531	229.883.041.418
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	308.207.786.624	326.173.422.322

- Một số chỉ số tài chính:

	ĐVT	Niên độ 2022	Niên độ 2021
I. Tỷ số thanh toán			
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	3,40	3,15
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,37	3,12
II. Tỷ số hoạt động			
1. Vòng quay khoản phải thu	Vòng	1,31	1,52
2. Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,56	0,75
3. Kỳ thu tiền trung bình	Ngày	277,92	240,79
III. Tỷ số nợ			
1. Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	25,35	29,52
2. Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	33,95	41,89

2. Báo cáo tài chính riêng niên độ tài chính 2022 đã được kiểm toán

- Báo cáo kết quả HĐSXKD niên độ tài chính năm 2022 (tóm tắt):

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	98.029.325.619	126.751.369.101
2. Giá vốn hàng bán	88.063.308.535	117.055.700.219
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	9.966.017.084	9.695.668.882
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(994.293.905)	(1.133.793.153)
5. Lợi nhuận khác	1.829.979.770	1.375.749.840
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	835.685.865	241.956.687
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	547.011.015	241.956.687

• **Bảng cân đối kế toán niên độ tài chính 2022 (tóm tắt)**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	167.541.252.379	171.703.151.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.559.740.556	27.606.763.464
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.592.325.347	37.518.857.603
Các khoản phải thu ngắn hạn	105.305.949.584	104.777.175.059
Hàng tồn kho	1.083.236.892	1.529.853.322
Tài sản ngắn hạn khác	-	270.501.849
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	91.537.234.466	84.608.590.266
Các khoản phải thu dài hạn	35.000.000	35.000.000
Tài sản cố định	34.865.944.296	37.905.931.601
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	55.960.000.000	45.960.000.000
Tài sản dài hạn khác	676.290.170	707.658.665
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	259.078.486.845	256.311.741.563
C. NỢ PHẢI TRẢ	55.358.189.319	53.138.455.052
Nợ ngắn hạn	42.532.377.019	35.748.124.952
Nợ dài hạn	12.825.812.300	17.390.330.100
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	203.720.297.526	203.173.286.511
Vốn chủ sở hữu	203.720.297.526	203.173.286.511
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	259.078.486.845	256.311.741.563

3. Đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022:

Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của công ty đạt 547.011.015 VNĐ. Tuy nhiên, công ty vẫn đang lỗ lũy kế 31,3 tỷ VNĐ nên HĐQT đề xuất sử dụng khoản lợi nhuận trên để bù lỗ theo quy định.

4. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2023:

HĐQT đề xuất mức chi trả thù lao năm 2023 theo mức như sau:

STT	Thành phần HĐQT	Mức thù lao (VNĐ/năm)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị (3 người)	108.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát (2 người)	48.000.000
5	Phụ trách quản trị công ty	24.000.000
6	Trợ lý phụ trách quản trị công ty	18.000.000
	TỔNG CỘNG	294.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, P. TCKT, PTHY (03).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Chính
Trần Đức Chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Mộng Thùy Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Việt Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0693/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 27.245.000.000 VND đã quá hạn (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167.541.252.379	171.703.151.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.559.740.556	27.606.763.464
1. Tiền	111		13.620.525.528	12.992.166.303
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.939.215.028	14.614.597.161
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.592.325.347	37.518.857.603
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	32.592.325.347	37.518.857.603
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.305.949.584	104.777.175.059
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.688.071.692	98.395.275.779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.867.806.569	13.892.138.566
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.178.641.934	1.918.331.325
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.428.570.611)	(9.428.570.611)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.083.236.892	1.529.853.322
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.083.236.892	1.529.853.322
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	270.501.849
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	270.501.849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.537.234.466	84.608.590.266
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000	35.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.865.944.296	37.905.931.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	34.865.944.296	35.838.947.400
- Nguyên giá	222		49.044.844.457	50.030.779.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.178.900.161)	(14.191.832.512)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	2.066.984.201
- Nguyên giá	228		154.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.472.660)	(267.488.459)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.960.000.000	45.960.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	21.960.000.000	21.960.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		676.290.170	707.658.665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	676.290.170	707.658.665
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		259.078.486.845	256.311.741.563

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		55.358.189.319	53.138.455.052
I. Nợ ngắn hạn	310		42.532.377.019	35.748.124.952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a, c	27.264.869.056	20.955.177.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.067.502	1.839.991.147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	548.458.362	416.445.730
4. Phải trả người lao động	314		228.399.050	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.521.648.824	3.054.541.279
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	9.894.762.888	9.413.797.535
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.171.337	68.171.337
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.825.812.300	17.390.330.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b, c	12.825.812.300	17.390.330.100
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.720.297.526	203.173.286.511
I. Vốn chủ sở hữu	410		203.720.297.526	203.173.286.511
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16a,b	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16a	35.005.342.627	35.005.342.627
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16a	(31.285.045.101)	(31.832.056.116)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.832.056.116)	(31.832.056.116)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		547.011.015	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		259.078.486.845	256.311.741.563

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	99.073.718.637	126.751.369.101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.044.393.018	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.029.325.619	126.751.369.101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	88.063.308.535	117.055.700.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.966.017.084	9.695.668.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.319.246.410	7.938.947.563
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	888.503.246	1.091.168.715
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.017.791.006	8.111.037.688
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.373.263.147	9.566.203.195
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(994.293.905)	(1.133.793.153)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.978.562.819	3.216.361.964
12. Chi phí khác	32	VI.9	148.583.049	1.840.612.124
13. Lợi nhuận khác	40		1.829.979.770	1.375.749.840
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		835.685.865	241.956.687
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	288.674.850	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>547.011.015</u>	<u>241.956.687</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		835.685.865	241.956.687
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	983.361.556	986.969.556
- Các khoản dự phòng	03		-	(21.849.272)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.210.038	2.704.978
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(6.057.060.271)	(7.106.046.166)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.236.802.812)	(5.896.264.217)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(538.242.517)	29.897.229.331
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		446.616.430	(1.472.261.750)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.927.969.484	(50.085.319.180)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		31.368.495	39.995.652
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.369.090.920)	(27.516.620.164)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.799.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.012.945.582)	(18.032.566.847)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.939.477.838	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.260.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	4.597.438.862	2.881.178.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.323.062.027	3.108.611.783

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(79.801.472)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>(79.801.472)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		953.971.107	(24.487.809.853)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.606.763.464	52.104.341.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(994.015)	(9.768.664)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	28.559.740.556	27.606.763.464

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí với tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết đều là 51,85%. Công ty con này có trụ sở tại Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 36 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 42 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty gồm có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty là chi phí thực hiện dịch vụ liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho các công trình dầu khí và các kho xăng dầu chưa hoàn thành, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là doanh thu ước tính của từng hợp đồng trừ chi phí ước tính để hoàn thành dịch vụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí sửa chữa, bảo trì; chi phí công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa, bảo trì

Chi phí sửa chữa, bảo trì phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì tầng 11 tòa nhà đang thuê, khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian thuê (552 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất ở Cà Mau. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (549 tháng).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Công ty chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	296.999.522	254.205.022
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.323.526.006	12.737.961.281
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	14.939.215.028	14.614.597.161
Cộng	<u>28.559.740.556</u>	<u>27.606.763.464</u>

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,65%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 14.157.248.477 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với lãi suất từ 4,65%/năm đến 9,5%/năm.

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để đảm bảo cho khoản vay vốn tại ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dài hạn

Trái phiếu mã HDBL2229013 do Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2029.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	21.960.000.000	-	21.960.000.000	21.960.000.000	-	21.960.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	21.960.000.000	-	26.791.200.000	21.960.000.000	-	18.666.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	45.960.000.000	-	45.960.000.000	45.960.000.000	-	45.960.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ	5,50%	5,50%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,00%	2,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	1,58%	1,58%

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con

Công ty có các giao dịch với Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận cổ tức	1.756.800.000	1.318.000.000
Nhận tiền chi hộ	-	30.062.937

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	27.245.000.000	33.245.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.187.278.531	27.387.278.531
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM ⁽ⁱⁱ⁾	20.030.664.075	20.030.664.075
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	20.030.129.740	14.191.211.600
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	931.644.488	931.644.488
Các khách hàng khác	3.263.354.858	2.609.477.085
Cộng	98.688.071.692	98.395.275.779

(i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

(ii) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM đã quá hạn. Theo Biên bản làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM và Công ty, khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được và sẽ trả lại hàng cho Công ty. Số hàng hóa này sẽ được trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech (là đơn vị cung cấp số hàng hóa này cho Công ty để bán cho Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM) (xem thuyết minh số V.11a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	-	818.099.728
Công ty TNHH Năng lượng NMT	3.963.413.344	3.963.413.344
Các nhà cung cấp khác	2.131.337.158	1.337.569.427
Cộng	13.867.806.569	13.892.138.566

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí (là bên liên quan) - phải thu cổ tức	1.756.800.000	-	1.317.600.000	-
Các khoản ký quỹ	11.000.000	-	48.703.240	-
Lãi dự thu	269.184.334	-	552.028.085	-
Phải thu khác	141.657.600	-	-	-
Cộng	2.178.641.934	-	1.918.331.325	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.541.625	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Liên doanh Việt Nga Vietsoyptero	Trên 3 năm	920.168.311	-	Trên 3 năm	920.168.311	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.818.189.635	1.818.189.635	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	453.411.766	453.411.766
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.369.088.896	25.369.088.896	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.818.189.635	1.818.189.635
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	20.030.664.075	20.030.664.075	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.569.088.896	25.569.088.896
Cộng		83.891.513.217	74.462.942.606	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	90.544.924.983	81.116.354.372

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.428.570.611	9.450.419.883
Hoàn nhập dự phòng	-	(21.849.272)
Số cuối năm	9.428.570.611	9.428.570.611

7. Hàng tồn kho

Chi phí dở dang của các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	50.030.779.912
Thanh lý, nhượng bán	-	(985.935.455)	-	-	(985.935.455)
Số cuối năm	46.553.733.671	706.345.455	1.728.850.583	55.914.748	49.044.844.457
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	706.345.455	1.728.850.583	55.914.748	4.286.701.937
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.714.786.271	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	14.191.832.512
Khấu hao trong năm	973.003.104	-	-	-	973.003.104
Thanh lý, nhượng bán	-	(985.935.455)	-	-	(985.935.455)
Số cuối năm	11.687.789.375	706.345.455	1.728.850.583	55.914.748	14.178.900.161
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.838.947.400	-	-	-	35.838.947.400
Số cuối năm	34.865.944.296	-	-	-	34.865.944.296
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
Thanh lý, nhượng bán	(2.180.000.000)	-	(2.180.000.000)
Số cuối năm	-	154.472.660	154.472.660
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	113.015.799	154.472.660	267.488.459
Khấu hao trong năm	10.358.452	-	10.358.452
Thanh lý, nhượng bán	(123.374.251)	-	(123.374.251)
Số cuối năm	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.066.984.201	-	2.066.984.201
Số cuối năm	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	57.242.809	58.707.745
Chi phí sửa chữa, bảo trì	613.883.723	633.740.927
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.163.638	15.209.993
Cộng	676.290.170	707.658.665

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	5.796.776.700	3.864.517.800
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech ⁽ⁱ⁾	12.918.944.736	12.918.944.736
Các nhà cung cấp khác	8.549.147.620	4.171.715.388
Cộng	<u>27.264.869.056</u>	<u>20.955.177.924</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được sẽ trả lại hàng cho Công ty (xem thuyết minh số V.3). Theo đó, sau khi việc trả hàng được hoàn tất Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech còn cam kết trả lại số tiền 6.730.225.569 VND mà Công ty đã ứng cùng số tiền 219.045.445 VND mà Công ty đã thanh toán thừa cho các hợp đồng này.

11b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuê giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	5.796.776.700	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	12.825.812.300	17.390.330.100
Cộng	18.622.589.000	21.254.847.900
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	5.796.776.700	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	<u>12.825.812.300</u>	<u>17.390.330.100</u>

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước tiền mua hàng hóa của Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.030.701.911	(891.720.261)	138.981.650
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	729.147.048	(729.147.048)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	288.674.850	-	288.674.850
Thuế thu nhập cá nhân	416.445.730	270.352.868	(565.996.736)	120.801.862
Thuế bảo vệ môi trường	-	748.800	(748.800)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	416.445.730	2.322.625.477	(2.190.612.845)	548.458.362

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	835.685.865	241.956.687
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (chi phí bị loại)		
- Các khoản điều chỉnh tăng	647.567.511	799.569.464
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.001.149)	-
Thu nhập chịu thuế	1.469.252.227	1.041.526.151
Thu nhập được miễn thuế	(2.216.800.000)	(1.393.000.000)
Thu nhập tính thuế	(747.547.773)	(351.473.849)
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	(2.190.922.024)	(351.473.849)
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.443.374.251	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm	288.674.850	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	288.674.850	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Công ty có khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế của các năm như sau:

Năm 2018	31.233.835.946
Năm 2020	1.830.306.120
Năm 2021	351.473.849
Năm 2022	2.190.922.024
Cộng	35.606.537.939

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái kinh tế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Lò 2019)	1.546.894.800	1.546.894.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (BOP 2019)	613.300.639	613.300.639
Dự án Nghi Sơn	1.653.506.905	186.399.360
Chi phí phải trả khác	328.110.000	328.110.000
Cộng	4.521.648.824	3.054.541.279

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	4.512.383.605	3.655.491.279
Cổ tức phải trả	4.812.381.250	4.918.347.978
Kinh phí công đoàn	44.681.784	85.803.710
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	450.000.000	650.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	75.316.249	104.154.568
Cộng	9.894.762.888	9.413.797.535

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.074.012.803)	202.931.329.824
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	241.956.687	241.956.687
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(31.832.056.116)	203.173.286.511
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(31.832.056.116)	203.173.286.511
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	547.011.015	547.011.015
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(31.285.045.101)	203.720.297.526

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	62.000.000.000	31,0	62.000.000.000	31,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	4.045,31	4.329,69
Euro (EUR)	3.232,03	3.232,03

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	96.957.759.923	108.286.010.166
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.115.958.714	18.465.358.935
Cộng	<u>99.073.718.637</u>	<u>126.751.369.101</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	88.063.308.535	103.705.235.372
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	13.350.464.847
Cộng	<u>88.063.308.535</u>	<u>117.055.700.219</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	2.097.795.111	1.979.733.966
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.216.800.000	1.393.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.651.299	832.901.397
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	3.733.312.200
Cộng	<u>4.319.246.410</u>	<u>7.938.947.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
5. Chi phí tài chính		
Lãi trả chậm	856.892.326	1.080.547.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	30.400.882	7.915.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.210.038	2.704.978
Cộng	888.503.246	1.091.168.715
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	2.766.143.744	4.746.131.209
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.801.247	2.401.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.040.155	663.895.057
Các chi phí khác	1.877.805.860	2.698.609.754
Cộng	5.017.791.006	8.111.037.688
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	3.852.050.449	4.596.437.820
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.625.312	39.156.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	983.361.556	986.969.556
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(21.849.272)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.856.114.078	1.682.336.936
Các chi phí khác	2.647.111.752	2.283.151.834
Cộng	9.373.263.147	9.566.203.195
8. Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.742.465.160	-
Nhận bồi thường phạt vi phạm hợp đồng	30.893.426	3.012.836.657
Các khoản công nợ không phải trả	200.000.000	203.525.307
Các khoản thu nhập khác	5.204.233	-
Cộng	1.978.562.819	3.216.361.964
9. Chi phí khác		
Các khoản truy thu và phạt thuế	21.958.964	211.554.912
Phạt do vi phạm hợp đồng	126.624.085	1.629.057.212
Cộng	148.583.049	1.840.612.124
10. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí mua hàng hóa	88.546.351.524	112.493.226.791
Chi phí nhân công	6.618.194.193	9.342.569.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	983.361.556	986.969.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.228.154.233	15.696.696.840
Chi phí khác	4.524.917.612	4.959.912.316
Cộng	102.900.979.118	143.479.374.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.065.014.120 VND (năm trước là 602.894.120 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	-	9.500.000
Lãi trả chậm	856.892.326	1.080.547.892
Cần trừ công nợ	-	84.190.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.11a, V.11b và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí tại Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.559.740.556	-	28.559.740.556
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.592.325.347	-	42.592.325.347
Phải thu khách hàng	22.569.614.542	76.118.457.150	98.688.071.692
Các khoản phải thu khác	2.167.641.934	-	2.167.641.934
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34.000.000.000	-	34.000.000.000
Cộng	129.889.322.379	76.118.457.150	206.007.779.529
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.606.763.464	-	27.606.763.464
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.518.857.603	-	37.518.857.603
Phải thu khách hàng	7.850.350.796	90.544.924.983	98.395.275.779
Các khoản phải thu khác	1.869.628.085	-	1.869.628.085
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	98.845.599.948	90.544.924.983	189.390.524.931

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Phải trả người bán	27.264.869.056	12.825.812.300	40.090.681.356
Các khoản phải trả khác	14.296.413.679	-	14.296.413.679
Cộng	41.561.282.735	12.825.812.300	54.387.095.035
Số đầu năm			
Phải trả người bán	20.955.177.924	17.390.330.100	38.345.508.024
Các khoản phải trả khác	12.278.380.536	-	12.278.380.536
Cộng	33.233.558.460	17.390.330.100	50.623.888.560

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.045,31	4.329,69
Phải trả người bán	(5.618,06)	(5.618,06)
Tài sản thuần có gốc USD	(1.572,75)	(1.288,37)

Tài sản thuần có gốc EUR của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.232,03	3.232,03
Tài sản thuần có gốc EUR	3.232,03	3.232,03

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.157.248.477	13.854.695.677
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	32.592.325.347	37.518.857.603
Cộng	46.749.573.824	51.373.553.280

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.559.740.556	-	27.606.763.464	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.592.325.347	-	37.518.857.603	-
Phải thu khách hàng	98.688.071.692	(1.655.514.544)	98.395.275.779	(9.428.570.611)
Các khoản phải thu khác	2.167.641.934	-	1.869.628.085	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	206.007.779.529	(1.655.514.544)	189.390.524.931	(9.428.570.611)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	40.090.681.356	38.345.508.024
Các khoản phải trả khác	14.296.413.679	12.278.380.536
Cộng	54.387.095.035	50.623.888.560

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phạm Thị Hồng Yên
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

M.S.D.N. 0305.447/23-C.T.C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

149815 - C.T.N.H.H
CÔNG TY
HẠN HỮU HẠN
DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN
& C
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Mộng Thùy Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Việt Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 1.0694/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 27.245.000.000 VND đã quá hạn (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất). Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.757.985.204	248.635.240.650
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.458.809.652	57.766.200.238
1. Tiền	111		17.519.594.624	16.615.250.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.939.215.028	41.150.949.661
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.492.325.347	46.818.857.603
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	66.492.325.347	46.818.857.603
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.132.876.205	141.701.294.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.600.098.169	136.842.374.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.797.318.469	15.214.576.255
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.465.255.306	3.483.406.724
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.729.795.739)	(13.839.063.587)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.199.760.587	1.818.152.548
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.199.760.587	1.818.152.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		474.213.413	530.736.101
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	427.296.602	197.785.936
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	270.501.849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	46.916.811	62.448.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.449.801.420	77.538.181.672
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000	66.174.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	45.000.000	66.174.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.552.292.055	49.286.015.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	45.552.292.055	47.219.031.569
- Nguyên giá	222		67.614.931.644	68.925.627.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.062.639.589)	(21.706.595.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	2.066.984.201
- Nguyên giá	228		154.472.660	2.613.135.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.472.660)	(546.151.459)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		38.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	14.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.852.509.365	4.185.991.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.267.982.016	3.401.055.175
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	584.527.349	784.936.727
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.207.786.624	326.173.422.322

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		78.121.676.093	96.290.380.904
I. Nợ ngắn hạn	310		65.295.863.793	78.900.050.804
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a, c	35.267.252.259	55.735.658.024
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.727.692.212	2.343.479.814
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.787.024.347	1.011.775.710
4. Phải trả người lao động	314		3.434.430.706	3.774.647.044
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.510.979.356	4.377.232.293
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		82.723.334	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	12.215.402.329	11.392.690.432
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	270.359.250	264.567.487
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.825.812.300	17.390.330.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b, c	12.825.812.300	17.390.330.100
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230.086.110.531	229.883.041.418
I. Vốn chủ sở hữu	410		230.086.110.531	229.883.041.418
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a,b,c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a	35.044.156.277	35.044.156.277
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18a	(28.074.848.380)	(28.364.723.745)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.556.021.345)	(28.364.723.745)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		481.172.965	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.18a	23.116.802.634	23.203.608.886
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		308.207.786.624	326.173.422.322



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	173.711.991.793	245.275.867.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.044.393.018	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.667.598.775	245.275.867.279
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	143.353.989.094	216.240.938.841
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.313.609.681	29.034.928.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.432.768.529	7.198.163.566
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	888.503.246	1.091.168.715
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.541.396.762	9.818.473.765
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25.692.095.122	23.796.578.403
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.624.383.080	1.526.871.121
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.978.563.319	3.227.271.056
13. Chi phí khác	32	VI.9	157.248.800	2.041.531.057
14. Lợi nhuận khác	40		1.821.314.519	1.185.739.999
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.445.697.599	2.712.611.120
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.242.252.223	1.208.732.092
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.203.445.376</u>	<u>1.503.879.028</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		481.172.965	(272.587.598)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.722.272.411	1.776.466.626
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	<u>24</u>	<u>(14)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	<u>24</u>	<u>(14)</u>


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.445.697.599	2.712.611.120
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	2.078.297.344	2.013.171.066
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(109.267.848)	581.239.095
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.210.038	2.704.978
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(6.170.582.390)	(6.365.262.169)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(754.645.257)	(1.055.535.910)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.811.932.565	36.592.200.776
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		618.391.961	(2.095.278.235)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19.184.801.006)	(50.481.702.955)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		903.562.493	(554.373.239)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(637.609.613)	(1.083.562.433)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(363.152.500)	(244.175.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.606.321.357)	(18.922.426.996)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(200.790.000)	(952.784.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.799.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.412.945.582)	(17.345.355.888)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.775.830.338	16.312.789.041
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.047.210.770
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	4.567.599.232	3.437.594.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.471.215.103)	14.499.453.390

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 18a	(1.228.860.111)	(628.735.872)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.228.860.111)</i>	<i>(628.735.872)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.306.396.571)	(5.051.709.478)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	57.766.200.238	62.827.678.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(994.015)	(9.768.664)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.458.809.652	57.766.200.238

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (là công ty con) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con có trụ sở tại Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đối với công ty con không đổi từ năm trước đến năm nay là 51,85%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 110 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 116 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Tập đoàn là chi phí thực hiện dịch vụ liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho các công trình dầu khí, các kho xăng dầu và các dự án cung cấp thiết bị viễn thông chưa hoàn thành, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là doanh thu ước tính của từng hợp đồng trừ chi phí ước tính để hoàn thành dịch vụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, bảo trì các tòa nhà, văn phòng đang thuê. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lộ đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Tập đoàn chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	456.767.506	460.048.172
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.062.827.118	16.155.202.405
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	14.939.215.028	41.150.949.661
Cộng	<u>32.458.809.652</u>	<u>57.766.200.238</u>

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,65%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 14.157.248.477 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,65%/năm đến 11,3%/năm (lãi suất năm trước từ 3,1% - 6,75%/năm).

Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 32.592.325.347 VND (số đầu năm là 37.518.857.603 VND) đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền là 1.900.000.000 VND (số đầu năm là 1.900.000.000 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	4.000.000.000	-
Cộng	14.000.000.000	-

- (i) Trái phiếu mã HDBL2229013 do Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2029.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ	5,50%	5,50%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,00%	2,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	1,58%	1,58%

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	27.245.000.000	33.245.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.187.278.531	27.387.278.531
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM ⁽ⁱⁱ⁾	20.030.664.075	20.030.664.075
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	20.030.129.740	14.191.211.600
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	826.927.766
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	8.346.069.412	2.828.015.387
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	931.644.488	931.644.488
Công ty TNHH truyền hình cáp Saigontourist	-	6.535.017.720
Công ty TNHH - Tổng công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	97.680.000	5.337.142.199
Trung tâm Hỗ trợ phát triển Công nghiệp	-	14.836.352.500
Các khách hàng khác	7.731.631.923	10.693.120.502
Cộng	111.600.098.169	136.842.374.768

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty mẹ đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Tập đoàn thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến ngày kết thúc năm tài chính Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết.
- (ii) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM đã quá hạn. Theo Biên bản làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM và Công ty, khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được và sẽ trả lại hàng cho Công ty. Số hàng hóa này sẽ được trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech (là đơn vị cung cấp số hàng hóa này cho Công ty để bán cho Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM) (xem thuyết minh số V.12a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	-	818.099.728
Công ty TNHH Năng lượng NMT	3.963.413.344	3.963.413.344
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư FPS Việt Nam	5.114.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.946.849.058	2.660.007.116
Cộng	19.797.318.469	15.214.576.255

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - chi phí dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395
Tạm ứng	403.327.949	-	199.067.039	-
Các khoản ký quỹ	58.074.000	-	418.535.509	-
Lãi dự thu	1.080.253.779	-	1.219.735.781	-
Phải thu khác	277.531.183	-	-	-
Cộng	3.465.255.306	1.646.068.395	3.483.406.724	1.646.068.395

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.541.625	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Liên doanh Việt Nga	Trên 3 năm	27.245.000.000	27.245.000.000	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000
Vietsovetro	Trên 3 năm	920.168.311	-	Trên 3 năm	920.168.311	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Trên 3 năm	453.411.766	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	453.411.766	453.411.766
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.818.189.635	1.818.189.635	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.818.189.635	1.818.189.635
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.369.088.896	25.369.088.896	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.569.088.896	25.569.088.896
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	20.030.664.075	20.030.664.075	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	20.030.664.075	20.030.664.075
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconec PVC	Trên 3 năm	1.864.410.133	-	Trên 3 năm	1.864.410.133	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	Trên 3 năm	790.746.600	-	Trên 3 năm	790.746.600	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	1.646.068.395	-	Trên 3 năm	1.646.068.395	-
Cộng		-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	156.096.926	46.829.078
		88.192.738.345	74.462.942.606		95.002.247.037	81.163.183.450

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.839.063.587	13.257.824.492
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(109.267.848)	581.239.095
Số cuối năm	13.729.795.739	13.839.063.587

7. Hàng tồn kho

Chi phí dở dang của các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, văn phòng	37.971.135	37.971.136
Chi phí bảo hiểm	73.144.200	76.234.800
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.587.497	-
Chi phí sửa chữa, bảo trì	303.593.770	83.580.000
Cộng	427.296.602	197.785.936

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, văn phòng	57.242.809	89.053.201
Chi phí sửa chữa, bảo trì	1.713.830.377	2.833.723.897
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.163.638	15.209.993
Chi phí khác	491.745.192	463.068.084
Cộng	2.267.982.016	3.401.055.175

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.750.758.355	3.250.153.638	3.589.247.853	4.335.467.344	68.925.627.190
Mua trong năm	-	-	54.900.000	145.890.000	200.790.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(985.935.455)	-	-	(985.935.455)
Xử lý tài sản hư hỏng	-	-	(240.929.326)	(284.620.765)	(525.550.091)
Số cuối năm	57.750.758.355	2.264.218.183	3.403.218.527	4.196.736.579	67.614.931.644
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	2.264.218.183	2.067.303.659	3.982.133.513	10.109.246.506
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.024.991.165	3.250.153.638	2.220.812.301	4.210.638.517	21.706.595.621
Khấu hao trong năm	1.400.687.016	-	402.685.898	64.156.600	1.867.529.514
Thanh lý, nhượng bán	-	(985.935.455)	-	-	(985.935.455)
Xử lý tài sản hư hỏng	-	-	(240.929.326)	(284.620.765)	(525.550.091)
Số cuối năm	13.425.678.181	2.264.218.183	2.382.568.873	3.990.174.352	22.062.639.589
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	45.725.767.190	-	1.368.435.552	124.828.827	47.219.031.569
Số cuối năm	44.325.080.174	-	1.020.649.654	206.562.227	45.552.292.055
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.180.000.000	433.135.660	2.613.135.660
Thanh lý, nhượng bán	(2.180.000.000)	-	(2.180.000.000)
Xử lý tài sản hư hỏng	-	(278.663.000)	(278.663.000)
Số cuối năm	-	154.472.660	154.472.660
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	113.015.799	433.135.660	546.151.459
Khấu hao trong năm	10.358.452	-	10.358.452
Thanh lý, nhượng bán	(123.374.251)	-	(123.374.251)
Xử lý tài sản hư hỏng	-	(278.663.000)	(278.663.000)
Số cuối năm	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.066.984.201	-	2.066.984.201
Số cuối năm	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại từ mua Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Nguyên giá

Số đầu năm

2.004.093.775

Số cuối năm

2.004.093.775

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Số đã phân bổ

Số đầu năm

1.219.157.048

Phân bổ trong năm

200.409.378

Số cuối năm

1.419.566.426

Giá trị còn lại

Số đầu năm

784.936.727

Số cuối năm

584.527.349

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

-

Đang chờ thanh lý

-

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	5.796.776.700	3.864.517.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG	705.232.000	5.927.774.600
Công ty Cổ phần Giáp pháp Thiên Hoàng	-	4.625.000.000
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	-	6.439.759.364
Công ty TNHH UPVIET	-	10.086.102.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	-	3.430.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech ⁽ⁱ⁾	12.918.944.736	12.918.944.736
Công ty Cổ phần Giáp pháp doanh nghiệp Ebig Việt Nam	2.789.500.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năm Sao	1.049.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	12.007.298.823	8.443.559.024
Cộng	35.267.252.259	55.735.658.024

- (i) Khoản công nợ này liên quan đến số hàng hóa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM không sử dụng được sẽ trả lại hàng cho Công ty (xem thuyết minh số V.3). Theo đó, sau khi việc trả hàng được hoàn tất Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech còn cam kết trả lại số tiền 6.730.225.569 VND mà Công ty đã ứng cùng số tiền 219.045.445 VND mà Công ty đã thanh toán thừa cho các hợp đồng này.

12b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.796.776.700	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	12.825.812.300	17.390.330.100
Cộng	18.622.589.000	21.254.847.900
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	5.796.776.700	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	12.825.812.300	17.390.330.100

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	6.067.502	1.839.991.147
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.300.754.710	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng	5.127.000.000	-
Các khách hàng khác	293.870.000	503.488.667
Cộng	6.727.692.212	2.343.479.814

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	61.019.826	61.277.143	4.451.625.830	(3.977.956.013)	520.329.311	46.916.811
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	729.147.048	(729.147.048)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	499.095.034	-	1.242.252.223	(637.609.613)	1.103.737.644	-
Thuế thu nhập cá nhân	451.660.850	-	791.834.444	(1.080.537.902)	162.957.392	-
Các loại thuế khác	-	1.171.173	20.117.288	(18.946.115)	103.138	-
Cộng	1.011.775.710	62.448.316	7.234.976.833	(6.444.196.691)	1.787.024.347	46.916.811

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	288.674.850	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	953.577.373	1.208.732.092
Cộng	1.242.252.223	1.208.732.092

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Tập đoàn có khoản lỗ tính thuế tại Công ty mẹ qua các năm như sau:

Năm 2018	31.233.835.946
Năm 2020	1.830.306.120
Năm 2021	351.473.849
Năm 2022	2.190.922.024
Cộng	35.606.537.939

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái kinh tế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án PVEP	-	174.296.000
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Lò 2019)	1.546.894.800	1.546.594.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (BOP 2020)	613.300.639	613.300.639
Chi phí giá vốn dự án HD07/NT2.TM	1.653.506.905	186.399.360
Chi phí phải trả khác	1.317.440.532	1.476.805.014
Cộng	5.510.979.356	4.377.232.293

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	4.512.383.605	3.655.491.279
Kinh phí công đoàn	272.218.486	287.049.023
Bảo hiểm xã hội	58.948.272	21.296.541
Cổ tức phải trả	6.846.535.717	6.443.963.828
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	450.000.000	650.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	75.316.249	334.889.761
Cộng	12.215.402.329	11.392.690.432

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	264.567.487
Trích bổ sung từ lợi nhuận	368.944.263
Chi quỹ trong năm	(363.152.500)
Số cuối năm	270.359.250

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	200.000.000.000	35.799.901.087	(24.366.011.883)	32.461.626.551	243.895.515.755
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(272.587.598)	1.776.466.626	1.503.879.028
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(175.767.853)	(163.225.114)	(338.992.967)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(1.223.574.000)	(1.223.574.000)
Thoái vốn tại công ty con	-	(755.744.810)	914.276.564	(9.647.685.177)	(9.489.153.423)
Điều chỉnh khác	-	-	(4.464.632.975)	-	(4.464.632.975)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.044.156.277	(28.364.723.745)	23.203.608.886	229.883.041.418
Số đầu năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(28.364.723.745)	23.203.608.886	229.883.041.418
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	481.172.965	1.722.272.411	2.203.445.376
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(191.297.600)	(177.646.663)	(368.944.263)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(1.631.432.000)	(1.631.432.000)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(28.074.848.380)	23.116.802.634	230.086.110.531

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	62.000.000.000	31,0	62.000.000.000	31,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) đã thông qua Nghị quyết số 212/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc chi trả cổ tức bằng 8% mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	4.045,31	4.329,69
Euro (EUR)	3.232,03	3.232,03

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	107.233.587.878	147.986.926.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.478.403.915	97.288.940.737
Cộng	<u>173.711.991.793</u>	<u>245.275.867.279</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	98.018.528.756	152.672.067.090
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.335.460.338	63.568.871.751
Cộng	<u>143.353.989.094</u>	<u>216.240.938.841</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	3.968.117.230	3.466.060.879
Cổ tức, lợi nhuận được chia	460.000.000	75.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.651.299	832.901.397
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	2.824.201.290
Cộng	<u>4.432.768.529</u>	<u>7.198.163.566</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi trả chậm	856.892.326	1.080.547.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	30.400.882	7.915.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.210.038	2.704.978
Cộng	<u>888.503.246</u>	<u>1.091.168.715</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.766.143.744	5.909.387.584
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.144.863	2.401.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	58.687.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.040.155	813.083.934
Các chi phí khác	2.395.068.000	3.034.912.695
Cộng	<u>5.541.396.762</u>	<u>9.818.473.765</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.101.989.107	13.224.663.166
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.392.475.079	1.061.655.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.813.731.366	1.701.707.567
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	200.409.378	200.409.378
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(109.267.848)	581.239.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.458.855.155	2.919.012.651
Các chi phí khác	4.833.902.885	4.107.890.640
Cộng	<u>25.692.095.122</u>	<u>23.796.578.403</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.742.465.160	-
Các khoản công nợ không phải trả	200.000.000	203.525.307
Nhận bồi thường phạt vi phạm hợp đồng	30.893.426	3.012.836.657
Các khoản thu nhập khác	5.204.733	10.909.092
Cộng	<u>1.978.563.319</u>	<u>3.227.271.056</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	126.624.085	1.629.057.212
Các khoản truy thu và phạt thuế	29.443.714	405.477.045
Chi phí khác	1.181.001	6.996.800
Cộng	<u>157.248.800</u>	<u>2.041.531.057</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	481.172.965	(272.587.598)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	481.172.965	(272.587.598)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>24</u>	<u>(14)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	105.479.328.497	113.515.726.376
Chi phí nhân công	26.627.997.631	29.516.633.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.078.297.344	2.013.171.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.367.427.539	17.082.561.432
Chi phí khác	12.652.821.928	8.095.047.913
Cộng	175.205.872.939	170.223.140.410

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.065.014.120 VND (năm trước là 602.894.120 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	-	9.500.000
Lãi trả chậm	856.892.326	1.080.547.892
Cần trừ công nợ	-	84.190.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.12a, V.12b và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí tại Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.458.809.652	-	32.458.809.652
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.492.325.347	-	80.492.325.347
Phải thu khách hàng	32.826.484.286	78.773.613.883	111.600.098.169
Các khoản phải thu khác	1.357.784.962	1.646.068.395	3.003.853.357
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	171.135.404.247	80.419.682.278	251.555.086.525

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.766.200.238	-	57.766.200.238
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.818.857.603	-	46.818.857.603
Phải thu khách hàng	43.486.196.126	93.356.178.642	136.842.374.768
Các khoản phải thu khác	1.219.735.781	1.646.068.395	2.865.804.176
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	173.290.989.748	95.002.247.037	268.293.236.785

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	35.267.252.259	12.825.812.300	48.093.064.559
Các khoản phải trả khác	17.319.898.678	-	17.319.898.678
Cộng	52.587.150.937	12.825.812.300	65.412.963.237
Số đầu năm			
Phải trả người bán	55.735.658.024	17.390.330.100	73.125.988.124
Các khoản phải trả khác	15.357.422.593	-	15.357.422.593
Cộng	71.093.080.617	17.390.330.100	88.483.410.717

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.045,31	4.329,69
Phải trả người bán	(5.618,06)	(5.618,06)
Tài sản thuần có gốc USD	<u>(1.572,75)</u>	<u>(1.288,37)</u>

Tài sản thuần có gốc EUR của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.232,03	3.232,03
Tài sản thuần có gốc EUR	<u>3.232,03</u>	<u>3.232,03</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.157.248.477	13.854.695.677
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	32.592.325.347	37.518.857.603
Cộng	<u>46.749.573.824</u>	<u>51.373.553.280</u>

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.458.809.652	-	57.766.200.238	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.492.325.347	-	46.818.857.603	-
Phải thu khách hàng	111.600.098.169	(4.310.671.277)	136.842.374.768	(12.192.995.192)
Các khoản phải thu khác	3.003.853.357	(1.646.068.395)	2.865.804.176	(1.646.068.395)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	251.555.086.525	(5.956.739.672)	268.293.236.785	(13.839.063.587)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:


	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	48.093.064.559	73.125.988.124
Các khoản phải trả khác	17.319.898.678	15.357.422.593
Cộng	65.412.963.237	88.483.410.717


Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.


5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

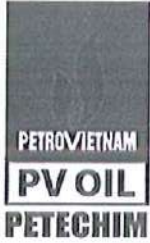
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023


Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HDQT) theo Điều lệ Công ty Petechim, HDQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động của HDQT trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 với các nội dung chính như sau:

PHẦN I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2022

Trong năm 2022, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), Tập đoàn Sovico, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống Vietsovpetro, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Nền kinh tế Việt nam trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, tăng trưởng GDP đạt trên 8,0%, tạo tiền đề để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025. Tuy vậy, những diễn biến mới của căng thẳng địa chính trị thế giới, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ, cùng với đó là các biến động của giá dầu khí, thị trường năng lượng, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, chi phí leo thang, cũng như khó khăn trên thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản... đã tác động mạnh đến các hoạt động sản xuất, đầu tư và doanh nghiệp như Petechim.

Trong bối cảnh đó, Petechim với hạn chế về mọi nguồn lực đã phải đối mặt với cạnh tranh rất gay gắt để có việc làm, có doanh thu và lợi nhuận. HDQT đã chỉ đạo và cùng Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và rất nỗ lực vượt qua các thách thức, duy trì và đảm bảo được hoạt động kinh doanh với lợi nhuận dương, cụ thể như sau:

I. Công tác quản trị doanh nghiệp:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh 2022:

- Lấy hoạt động thương mại (cung ứng vật tư - thiết bị) và dịch vụ gắn liền với hoạt động của ngành Dầu khí, ngành Điện và các lĩnh vực hoạt động của các cổ đông PVOIL và SOVICO Group làm hoạt động kinh doanh trung tâm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- Duy trì, mở rộng các hoạt động và thị trường truyền thống trong ngành Dầu khí.
- Tập trung phát triển thị trường mới, đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để từng bước xây dựng các hoạt động cốt lõi cho phát triển lâu dài.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội phát triển lĩnh vực Logistics, trong đó có việc duy trì mảng dịch vụ vận tải hàng không, hàng hải, tiết kiệm điện và một số dịch vụ nhỏ khác.

- Quyết liệt trong quản lý dự án và thực hiện hiệu quả các hợp đồng hiện có, quyết liệt trong công tác đấu thầu để ký kết được các hợp đồng mới;
- Tăng cường tiếp thị & Marketing, quan hệ đối tác, khách hàng để xây dựng uy tín và vị thế với đối tác/khách hàng. Ký kết thỏa thuận hợp tác với các nhà sản xuất và cung cấp thiết bị vật tư... để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường.
- Nhìn chung, Petechim đã rất cố gắng, nỗ lực và đã vượt qua các thách thức; duy trì và đảm bảo được hoạt động kinh doanh, đặc biệt đã bám sát được các khách hàng, vừa duy trì được khách hàng truyền thống, vừa tích cực mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới và thực hiện hiệu quả các dự án để đạt được kết quả lợi nhuận sau thuế dương trong điều kiện khó khăn của năm 2022 vừa qua.
- Kết quả hợp nhất mà Công ty Petechim đã thực hiện trong năm 2022 như sau:
 - Giá trị tổng tài sản: 308 tỷ đồng;
 - Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 172,7 tỷ đồng, tương đương 49,34% kế hoạch năm 2022 và bằng 70,49% so với cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 3,44 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 2,2 tỷ đồng;
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 24 đ/CP;
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;

Nguyên nhân chính của việc chưa hoàn thành kế hoạch được giao là:

- Năng lực cạnh tranh của Petechim hạn chế về cả nguồn lực con người, cơ sở vật chất lẫn tiềm lực về tài chính. Tỷ lệ đấu thầu thành công đã được cải thiện so với năm 2021 song vẫn thấp, chủ yếu do giá không cạnh tranh, các hợp đồng ghi nhận doanh thu trong kỳ có giá trị và lợi nhuận không cao.
- Việc phát triển kinh doanh đã được triển khai tích cực, đã mang lại 1 số kết quả ban đầu song cần thời gian để phát triển ổn định và chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.

2. Chỉ đạo xử lý quyết liệt, dứt điểm nợ xấu và các tổn động kéo dài.

- Theo chỉ đạo Nghị quyết của HĐQT, Công ty đã hoàn tất việc bán lại CHXD tại Cà Mau để thu hồi vốn và cho thuê một phần diện tích trụ sở văn phòng tại quận 7, Tp HCM để tạo nguồn bù đắp chi phí hoạt động.
- Chỉ đạo và yêu cầu Ban Điều hành quyết liệt xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu còn lại để thu hồi vốn và lành mạnh hoá các chỉ số tài chính của Công ty và không để phát sinh các tổn động, công nợ kéo dài mới

3. Chỉ đạo công tác quản lý tài chính:

- Quản lý chặt chẽ Dòng tiền để đảm bảo tính thanh khoản cho HĐ/DA của Công ty. Đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
- Thực hiện tiết giảm tối đa mọi chi phí, đặc biệt chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và hiệu quả SXKD của Công ty.
- Quản lý chặt chẽ rủi ro về tài chính.

4. Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược:

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, liên doanh với các đối tác chiến lược để nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh, khả năng thắng thầu và tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới cho Petechim; Đặc biệt, xúc tiến hợp tác với đối tác Hàn Quốc trong lĩnh vực cung cấp thiết bị tiết kiệm điện.

5. Chỉ đạo công tác tái cấu trúc bộ máy tổ chức, quản trị công ty:

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức và củng cố năng lực đội ngũ nhân sự theo hướng tinh giản, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng môi trường làm việc tích cực, lành mạnh, trách nhiệm gắn kết giữa lợi ích của Công ty và lợi ích của người lao động, đồng thời bổ sung nguồn nhân lực mới, cũng như có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực từ bên trong thông qua các Task force và từ bên ngoài thông qua hệ thống cố vấn/cộng tác viên.... Đây là hướng đặc biệt quan trọng sau các biến động về nhân sự do hậu quả của dịch Covid 19 vừa qua.
- Mặc dù công tác này đã được thực hiện và có những chuyển biến tích cực song cần được tiếp tục triển khai trong năm 2023.

6. Chỉ đạo công tác đầu tư:

- Petechim đã đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp: 01 công ty con PAIC và 3 công ty liên kết với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

II. Công tác giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Petechim đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc:

1. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban và các cuộc họp quan trọng khác của Ban Tổng giám đốc.
2. Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

Qua đó theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của Petechim.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các định hướng chiến lược kinh doanh đã được ĐHQT xác định và các Nghị quyết của ĐHQT/ĐHQTĐ, đã bám sát được khách hàng/đối tác của ngành Dầu khí và của Sovico Group. Việc phát triển thị trường và các hoạt động kinh doanh mới, cũng như xúc tiến xây dựng các quan hệ hợp tác, liên doanh/liên kết...; đã ghi nhận những tiến triển tích cực. Cung cách và không khí làm việc của Công ty đã được cải thiện theo hướng năng động & trách nhiệm.

ĐHQT đánh giá cao Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng phân cấp giữa ĐHQT và Ban Tổng giám đốc và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2022.

III. Kết quả hoạt động của ĐHQT:

1. Cơ cấu ĐHQT:

Số lượng Thành viên ĐHQT: Hiện tại là 04 thành viên, gồm

- + Ông Trần Đức Chính - Chủ tịch
- + Ông Trần Hoài Nam - Thành viên
- + Ông Võ Khánh Hưng - Thành viên

+ Ông Đỗ Quang Thuận - Thành viên

2. Tổ chức các cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2022 vào ngày 23/4/2022.
- HĐQT đã họp và ban hành 7 Nghị quyết/Quyết định để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT:

- Các thành viên HĐQT hoạt động rất tích cực, tâm huyết và trách nhiệm; tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự nhất trí và đồng thuận cao của các thành viên vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Petechim.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban KS và Phụ trách quản trị Công ty:

Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-TMDK ngày 23/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Petechim đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2022 theo định kỳ hàng quý với tổng số tiền là 282.000.000 đồng (trong đó: Chủ tịch HĐQT là 60.000.000 đồng, 03 thành viên HĐQT là 108.000.000 đồng, Trưởng BKS là 36.000.000 đồng, 01 thành viên BKS là 18.000.000 đồng; 01 thành viên BKS là 18.000.000 đồng; Phụ trách quản trị Công ty là 24.000.000 đồng và Trợ lý phụ trách quản trị Công ty là 18.000.000 đồng).

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Trong năm 2023, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Petechim thực hiện đúng các mục tiêu và định hướng chiến lược, chương trình hành động được ĐHĐCĐ thường niên quyết định. Cụ thể:

Mục tiêu chiến lược: Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động, tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động.

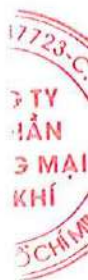
Định hướng chiến lược kinh doanh:

Tiếp tục bám sát, gắn hoạt động của Petechim với chiến lược phát triển và tận dụng tối đa sự ủng hộ/giúp đỡ của Sovico Group và Ngành Dầu khí (bao gồm PVOIL) để củng cố các lĩnh vực hoạt động truyền thống, xây dựng & phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới, từng bước xây dựng hoạt động lâu dài/cốt lõi vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Các nhiệm vụ cụ thể năm 2023:

1. **Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:**

Dự báo tình hình kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, song sẽ phải đối mặt với các biến động phức tạp, khó lường, thậm chí khó khăn hơn năm 2022, đặc biệt, căng thẳng địa chính trị thế giới, cạnh tranh giữa các nước lớn, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ, lạm phát và một số khu vực, quốc gia, là các đối tác kinh tế lớn của Việt Nam có thể rơi vào suy thoái cục bộ, ngắn hạn, làm giảm lực cầu xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng và du lịch quốc tế.



Xu hướng thúc đẩy thích ứng, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia trên Thế giới hiện nay, đang vừa là thời cơ, vừa là thách thức.

Với độ mở của nền kinh tế lớn khoảng 200% GDP, khi những tác động từ bên ngoài và tồn tại tích tụ lâu nay ở bên trong như , áp lực lạm phát, tỷ giá, lãi suất còn tăng và vẫn là thách thức lớn trong năm 2023, cũng như các bất cập trên thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản ...sẽ còn tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực và các doanh nghiệp. Mặc dù vậy, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo sẽ đạt khoảng 6,5% do 3 trụ cột chính là xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng vẫn sẽ tiếp tục đảm bảo tăng trưởng khá.

Bối cảnh nói trên, còn tiềm ẩn thách thức, rủi ro, song cũng tạo các tiền đề tốt để các ngành dầu khí, năng lượng, hàng không và các chuỗi giá trị của Tập đoàn Sovico...đối tượng phục vụ của các dịch vụ do Petechim cung cấp phục hồi và phát triển trở lại.

Do vậy, *mục tiêu kế hoạch năm 2023 của Petechim* cụ thể như sau:

DVT: VND

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch riêng		Kế hoạch hợp nhất
		Petechim	PAIC	
1	Doanh thu	200.000.000.000	90.000.000.000	290.000.000.000
2	Giá vốn	183.500.000.000	55.950.000.000	239.450.000.000
3	Lợi nhuận gộp	16.500.000.000	34.050.000.000	50.550.000.000
4	Tổng chi phí	15.000.000.000	29.050.000.000	44.050.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	1.500.000.000	5.000.000.000	6.500.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	1.500.000.000	4.000.000.000	5.500.000.000

2. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các định hướng và giải pháp kinh doanh:

Để thực hiện được các mục tiêu dài hạn và KH 2023, chúng ta sẽ phải tiếp tục hành động quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sau đây:

i. Thứ nhất, lĩnh vực Thương mại:

- Đối với mảng dầu khí - Giữ vững thị trường dầu khí truyền thống từ thượng nguồn đến hạ nguồn, trong bối cảnh giá dầu tăng cao kỳ vọng các hoạt động dầu khí sẽ phục hồi và phát triển mạnh.
- Đối với mảng Khí - Điện/Năng lượng – Đạm: Tiếp tục phát huy các kết quả hoạt động trong 2022, tăng cường bám sát các đối tác/khách hàng để nắm bắt nhu cầu và tìm cơ hội cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng - sửa chữa trong các nhà máy khí - điện - đạm; cũng như cho các dự án Điện - Năng lượng của EVN, PVN, đặc biệt các dự án NLTT để mở rộng kinh doanh xây dựng 1 thị trường thương mại mới/ổn định.
- Đồng thời, tập trung phát triển thị trường mới, mở rộng hoạt động thương mại sang các lĩnh vực mới để có nhiều HĐ, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

- ii. Thứ hai, lĩnh vực dịch vụ: Kiên trì xây dựng hoạt động dịch vụ làm nền tảng để từng bước xây dựng được các hoạt động cốt lõi, khắc phục các hạn chế của hoạt động thương mại thuần túy: cạnh tranh khốc liệt trong khi biên lợi nhuận rất nhỏ.

Trong đó:

- Phần đầu khôi phục các dịch vụ truyền thống mà trước đây Petechim đã cung cấp cho ngành dầu khí; các dịch vụ phục vụ các chiến dịch khảo sát địa chấn, khoan ... ủy thác xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, đặc biệt đối với Vietsovpetro trong bối cảnh chiến tranh Nga - Ucraina.
- Phát triển các dịch vụ logistics mới: Tìm kiếm khả năng phục hồi lại dịch vụ hàng không, tận dụng quan hệ hợp tác với SNP (Tân Cảng) để phát triển dịch vụ logistics đường biển.
- Cung cấp dịch vụ nhỏ/lẻ cho các dự án Điện - Năng lượng của EVN, PVN phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đặc biệt các dự án NLTT.
- Phối hợp chặt chẽ với Bộ phận năng lượng của Tập đoàn Sovico để cung cấp dịch vụ cho dự án năng lượng tái tạo mà Tập đoàn và các đối tác cùng đầu tư.
- Lĩnh vực CNTT & Chuyển đổi số: Phối hợp với Công ty con PAIC để tham gia mạnh mẽ và tích cực hơn trong lĩnh vực Công nghệ 4.0 - chuyển đổi số trên phạm vi cả nước, đặc biệt là các dự án liên quan đến chuyển đổi số của Sovico Group và PVN/PVOil.

- iii. Thứ ba, lĩnh vực đầu tư:

- Thực hiện rà soát danh mục đầu tư vào các công ty liên kết, thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư/thoái vốn để tập trung vốn cho SXKD và đầu tư cho các dự án khả thi trong lĩnh vực dịch vụ, logistics.
- Xem xét hướng tới hợp tác đầu tư phù hợp với năng lực trong lĩnh vực logistics & Năng lượng tái tạo với các đối tác có hợp tác toàn diện/chiến lược với Sovico Group và PVOil để tạo lập tài sản và nhằm tạo kết nối, cũng như tạo thị trường để cung cấp dịch vụ.

- iv. Thứ tư, công tác tiếp thị và phát triển thị trường:

- Củng cố và tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các đối tác và các khách hàng, đặc biệt với các nhà cung cấp để trở thành Local Partner trong các dự án tại Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng thắng thầu, cũng như mở rộng thị trường, đa dạng hóa loại hình kinh doanh. Trong đó, cần lựa chọn khách hàng tốt, nhà cung cấp có đầy đủ năng lực để giảm thiểu rủi ro.
- Đồng thời cũng cần tận dụng có giải pháp tận dụng giá trị thương hiệu Petechim để liên doanh, liên kết và hợp tác KD với các đối tác trong/ngoài ngành Dầu khí.
- Tổ chức thực hiện và triển khai mạnh mẽ các HĐ đã ký với ENPOSSS, Vinacom, đồng thời đẩy mạnh dịch vụ tư vấn bán hàng và làm đại lý phân phối sản phẩm cho các NSX, đặt mục tiêu ký được HĐ cung cấp thiết bị FORCE với các khách hàng chiến lược như Viettel, FPT, Vietsovpetro,...

- v. Thứ năm, lĩnh vực tài chính: Đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Tiếp tục cắt giảm tối đa chi phí quản lý và chi phí hoạt động để tăng hiệu quả hoạt động. Thanh quyết toán các hợp đồng kịp thời. Xử lý quyết liệt và dứt điểm nợ xấu còn tồn đọng, tránh phát sinh tồn đọng hoặc nợ xấu mới.

vi. Thứ sáu, công tác tái cấu trúc:

- Tiếp tục tái cấu trúc để có bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp;
- Thay đổi mô hình quản lý, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho phát triển:
 - o Củng cố đội ngũ nhân sự hiện có, gắn quyền lợi, trách nhiệm của người lao động với kết quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục phát huy mô hình Task Force để phát huy nội lực, đồng thời tăng cường sử dụng mạng lưới cộng tác viên từ bên ngoài, cũng như sử dụng nguồn lực outsourcing cho các dự án đòi hỏi các kiến thức và kinh nghiệm về chuyên môn cao như IT, Điện... để sử dụng phát huy được nguồn lực từ bên ngoài trong bối cảnh các nguồn lực bên trong và năng lực cạnh tranh hạn chế hiện nay của Petechim.
 - o Tập trung đầu tư cho việc thu hút, bổ sung, xây dựng lại đội ngũ nhân sự, khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân sự do khủng hoảng hậu Covid -19 đáp ứng yêu cầu của Công ty để thực hiện các định hướng nói ở trên trong giai đoạn mới.

Kính thưa quý vị đại biểu và quý cổ đông!

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2023 của HĐQT Petechim.

Kính đề nghị các quý cổ đông xem xét, thảo luận và quyết nghị.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, HĐQT, VTH (03).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Chính
Trần Đức Chính

PHỤ LỤC
(Đính kèm Báo cáo của HĐQT số 99 /BC-TMDK, ngày 31 / 3 /2023)

STT	Biên bản họp	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Ghi chú
1	BBH số 01B/BB-TMDK ngày 08/01/2022		Báo cáo kết quả thực hiện năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 của Công ty.	
2	BBH số 02/BB-TMDK ngày 16/03/2022	15/NQ-TMDK ngày 16/3/2022	Phê duyệt việc xin tái cấp hạn mức tín dụng Ngân hàng PVComBank.	
3	BBH số 03/BB-TMDK ngày 26/03/2022		- Báo cáo sơ kết hoạt động SXKD 2 tháng đầu năm và KH hoạt động SXKD năm 2022. - Thông qua các nội dung chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và dự kiến Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.	
4		20 và 21/QĐ-TMDK ngày 01/4/2022	- Quyết định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; - Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách CĐ phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	
5	BBH số 07/BB-TMDK ngày 23/4/2022	23/NQ-TMDK ngày 23/4/2022	1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động KD năm 2021 và KH kinh doanh năm 2022. 2. Thông qua BCTC năm 2021 đã được kiểm toán. 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và KH hoạt động năm 2022 của HĐQT. 4. Thông qua các đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021; Phương án chi trả thù lao năm 2021 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 của HĐQT và BKS. 5. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và KH hoạt động năm 2022 của BKS. 6. Thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về QT công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS. 6. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính năm 2022. 7. Thông qua việc đề cử, ứng cử và bầu thay thế Ban Kiểm soát.	
6	BBTH số 08/BB-TMDK ngày 01/6/2022	28/NQ-TMDK ngày 08/6/2022	Chấp thuận chấm dứt hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại Cà Mau.	
7	BBTH số 09/BB-TMDK ngày 28/6/2022	29/NQ-TMDK ngày 28/6/2022	Chấp thuận đề Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí mua trái phiếu HDBank.	
8	BBTH số 10/BB-TMDK ngày 01/7/2022	32/NQ-TMDK ngày 01/7/2022	Chấp thuận về việc sang nhượng CHXD của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại Cà Mau.	
9	BBTH số 10B/BB-TMDK ngày 12/8/2022	33B/NQ-TMDK ngày 12/8/2022	Chấp thuận về việc PV OIL Phú Mỹ xin ý kiến cổ đông về việc dừng thực hiện 02 dự án.	
10	BBH số 11/BB-TMDK ngày 11/10/2022		Báo cáo sơ kết hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch hoạt động SXKD 3 tháng cuối năm 2022.	
11	BBH số 12/BB-TMDK ngày 27/12/2022		Báo cáo kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 của Công ty.	





BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo Điều lệ của Công ty CP Thương mại Dầu khí, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 kết quả hoạt động kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2022 như sau:

PHẦN I BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2022

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

I. Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2022:

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2022 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2022 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2022.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Trong năm 2022, Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2022.

II. Kết quả giám sát

1. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ pháp luật Nhà nước; quản lý điều hành Công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để đưa ra các giải pháp và chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT và được Tổng Giám đốc tổ chức triển khai một cách nghiêm túc.
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã trực tiếp chỉ đạo, hoặc ban hành và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định để các Phòng chức năng triển khai thực hiện.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông

BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Các ý kiến của cổ đông được giải thích rõ ràng, trung thực.

B. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

I. Báo cáo tài chính năm 2022

1. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Ban Tổng Giám đốc và Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty lập và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
2. Báo cáo tài chính năm 2022 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, đồng thời phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022.
3. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31/12/2022:
 - a) Vốn điều lệ 200 tỷ đồng tương ứng với 20.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại sàn UPCOM với mã chứng khoán PTV và chính thức giao dịch từ ngày 05/11/2019.
 - b) Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).
 - c) Tình hình tài chính riêng của Công ty Petechim năm 2022 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).
 - d) Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty Petechim năm 2022 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).

Nhận xét: Năm 2022, Công ty Petechim tiếp tục ghi nhận mức lợi nhuận dương mặc dù chưa cao. Cụ thể:

- Doanh thu năm 2022 đạt được 98,03 tỷ đồng tương ứng 39,21% kế hoạch.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt được 836 triệu đồng tương ứng 28% so với kế hoạch.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt được 547 triệu đồng tương ứng 18,33% so với kế hoạch.
- e) Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).

Nhận xét:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt được 172,67 tỷ đồng tương ứng 49,33% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt được 3,44 tỷ đồng tương ứng 45,33% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế 2022 đạt được 2,2 tỷ đồng tương ứng 33,33% so với kế hoạch.

4. Tình hình sử dụng TSCĐ:

- 1.234m² văn phòng tại quận 7, TP.HCM hiện đang sử dụng một phần diện tích làm văn phòng chính, cho Công ty LOTTE thuê 421.88m² để tạo nguồn bù đắp chi phí hoạt động.
- Theo Nghị quyết của HĐQT, Công ty đã hoàn tất việc bán lại CHXD tại Cà Mau để thu hồi vốn.

5. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Petechim đã đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp: công ty con PAIC và 3 công ty liên kết với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

Trong năm 2022, công ty không thực hiện đầu tư thêm khoản đầu tư nào.

6. Phát triển kinh doanh dịch vụ: Petechim tiếp tục cung ứng dịch vụ vận chuyển và logistics một cách đa dạng hơn, bao gồm cả trong, ngoài ngành dầu khí.

II. Kiểm soát công nợ phải thu, phải trả:

Dư nợ phải thu khó đòi đầu kỳ (01/01/2022) là 33,24 tỷ đồng - dư nợ cuối kỳ (31/12/2022) là 27,245 tỷ đồng của Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC). Công ty cần có biện pháp mạnh mẽ để thu hồi.

C. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

I. Nhân sự Ban kiểm soát:

- Tại ĐHCĐ thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã đưa ra Nghị quyết số 23/NQ-TMDK ngày 23/04/2022 về việc bổ nhiệm Bà Trần Mộng Thùy Trang làm thành viên Ban Kiểm soát.
- Ngày 01/10/2022, ông Huỳnh Minh Triết- Nhân sự thuộc Tổng Công ty hiện đang kiêm nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát Petechim đã chính thức nghỉ hưu.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đề ra và tổng kết lập Báo cáo, công việc cụ thể như sau:
 - Trưởng Ban Kiểm soát – Bà Đoàn Thu Hương
 - + Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản Trị, đề xuất những ý kiến đóng góp cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty
 - + Phân công nhiệm vụ, giám sát hoạt động của Kiểm soát viên.
 - Kiểm soát viên (bao gồm Ông Huỳnh Minh Triết và Bà Trần Mộng Thùy Trang)
 - + Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022, đồng thời giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, cũng như tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
 - + Thẩm định các báo cáo tài chính và lập báo cáo Ban kiểm soát hàng quý, cả năm.

II. Thù lao Ban Kiểm soát:

Tiền thù lao đã chi trả cho BKS năm 2022 là 72.000.000 VNĐ. Trong đó:

- Thù lao của Trưởng ban Kiểm soát: 3.000.000 VNĐ/người/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 2.000.000 VNĐ/người/tháng.

PHẦN 2 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Kế hoạch hoạt động:

1. Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý trong quá trình điều hành quản lý hoạt động kinh doanh cũng như công tác đầu tư, xây dựng của Công ty.
3. Giám sát công tác kế hoạch, thực hiện kế hoạch, kiểm tra báo cáo tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức; thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty.
6. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
7. Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo đề nghị của cổ đông.

II. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

1. Giải quyết dứt điểm các tồn đọng công nợ, hạn chế tối đa phát sinh công nợ xấu để lành mạnh các chỉ số tài chính.
2. Chú trọng công tác quản trị giao dịch trong quản lý cổ phiếu trên sàn Upcom.
3. Bổ sung thêm thành viên Ban Kiểm soát để kiện toàn bộ máy hoạt động của BKS.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, BKS.





CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101 /TTr-TMDK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn công ty kiểm toán
cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim (BKS Petechim) xin báo cáo như sau:

Căn cứ vào các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2023;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đã niêm yết;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Ban Kiểm soát Petechim đề nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là công ty kiểm toán cho Petechim năm 2023 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đáp ứng các tiêu chí trên. Bên cạnh đó, trên cơ sở thực tế dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022 do A&C đã thực hiện có chất lượng tốt, hoàn thành đúng tiến độ và giá cả phù hợp với thị trường.

Ban Kiểm soát Petechim kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Petechim xem xét và phê duyệt đề xuất nêu trên để Ban Kiểm soát Petechim có cơ sở triển khai việc kiểm toán theo đúng tiến độ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn,

Nơi nhận

- Như trên
- TGD (để ph)
- Lưu: VT, BKS – lb





**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 102/TTr-TMDK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí;
- Công văn số 6413/DVN-TCNS ngày 30 tháng 9 năm 2022 về việc Giới thiệu nhân sự tham gia BKS thay nhân sự đến tuổi nghỉ hưu của Tổng Công ty Dầu Việt Nam;
- Tình hình thực tế và nhu cầu công việc của Công ty,

Ban Kiểm soát Petechim kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Ông Huỳnh Minh Triết, Nhân sự thuộc Tổng Công ty, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Petechim đã chính thức nghỉ hưu từ ngày 01/10/2022.
- Đề cử nhân sự để bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát, cụ thể:
 - Ông: **NGÔ THẾ ANH**
 - Ngày sinh: 15/07/1983
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Số CCCD: 096083009868, ngày cấp: 22/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
 - HK thường trú: 72K đường Kinh Xáng Bạc Liêu, khóm 6, phường 6, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
 - Chỗ ở hiện tại: Căn hộ C4-11-03 Chung cư Him Lam Chợ Lớn, số 491 Hậu Giang, phường 11, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Trình độ học vấn: Cử nhân Luật
 - Chức vụ hiện nay: Chuyên viên chính 1- Ban Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Dầu Việt Nam- CTCP

Căn cứ các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát xác nhận ứng viên nêu trên đã đủ tiêu chuẩn và điều kiện để tham gia danh sách bầu cử bổ sung vào Ban Kiểm soát Công ty Petechim nhiệm kỳ 2022-2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua nội dung trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS, BTGD;
- Lưu: BKS.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT/Ban kiểm soát)

1. Họ và tên: **NGÔ THẾ ANH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/07/1983
4. Nơi sinh: Cà Mau
5. Số CMND/Hộ chiếu: 096083009868 Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Hộ khẩu thường trú: 72K đường Kinh Xáng Bạc Liêu, khóm 6, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
8. Chỗ ở hiện tại: Căn hộ C4-11-03 Chung cư Him Lam Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
9. Hiện đang công tác tại: Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP
10. Chức vụ: Chuyên viên chính 1 – Ban Kiểm soát nội bộ
11. Điện thoại: 0977765875 Email: anhnt@pvoil.com.vn
12. Trình độ văn hóa: 12/12
13. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
14. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1988 - 1992	Học lớp 1, 2, 3 tại Trường Hàng Vịnh, Xã Hàng Vịnh, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	Bằng tốt nghiệp tiểu học
1992 – 1994	Học lớp 4, 5 tại Trường tiểu học I, Thị trấn Năm Căn, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
1994 – 1995	Học lớp 6 tại Trường Phổ thông cấp II, III Phan Ngọc Hiển, Thị trấn Năm Căn, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	Bằng tốt nghiệp THCS
1995 - 1998	Học lớp 7, 8, 9 tại Trường trung học cơ sở Võ Thị Sáu, Phường 6, TP. Cà Mau	

1998 – 2001	Học lớp 10, 11, 12 tại Trường phổ thông trung học Hồ Thị Kỷ, phường 2, TP. Cà Mau	Bằng tốt nghiệp THPT
2001 - 2006	Học Đại học tại Trường Đại học Luật TP.HCM	Cử nhân Luật
11/2008–5/2009	Đào tạo nghiệp vụ Luật sư - Học viện Tư pháp	Chứng chỉ hành nghề
11/2011-04/2012	Đào tạo Giám đốc Tài chính - Trường Doanh nhân Pace	Giấy chứng nhận

15. Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
7/2006 – 5/2008	Nhân viên Ban Pháp chế	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh
5/2008 – 2/2011	Chuyên viên Phòng Pháp chế	Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
2/2011 – Nay	Chuyên viên chính Ban Kiểm soát Nội bộ	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)

16. Nhân thân người khai (Quan hệ vợ ,chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Mối quan hệ	Họ và tên	Tuổi	Nơi công tác	Nghề nghiệp
Vợ	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	32	Quận 6, TP. HCM	Kinh doanh
Con	Ngô Vĩ Nhất Minh	3	Sống cùng gia đình	Còn nhỏ
Con	Ngô Vĩ Nhất Đăng	3	Sống cùng gia đình	Còn nhỏ
Bố ruột	Ngô Minh Chiến	73	Phường 6, TP. Cà Mau	Nông dân
Mẹ ruột	Nguyễn Mỹ Dung	60	Phường 6, TP. Cà Mau	Nội trợ
Em ruột	Ngô Lan Anh	38	USA	Thợ nail
Bố Vợ	Nguyễn Ngọc Điền	66	Phường 8, TP. Cà Mau	Đã nghỉ hưu
Mẹ Vợ	Thái Thị Ngọc Bích	61	Phường 8, TP. Cà Mau	Đã nghỉ hưu
Anh Vợ	Nguyễn Thái Vũ Hoàng	39	HoMedics Viet Nam	Kinh doanh

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 3 năm 2023

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials and a surname, written over a horizontal line.

Ngô Thế Anh

ĐẢNG HOÀNG KHAI HỘI CHỢ NGHĨA VIỆT NAM
 Đảng Hoàng Khai Hội Chợ Nghĩa Việt Nam
 HOANG KHAI MARKET
 HOANG KHAI MARKET

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
 Citizen Identity Card

Số / No: **096083009868**
 Họ và tên / Full name: **NGO THẾ ANH**
 Ngày sinh / Date of birth: **15/07/1983**
 Giới tính / Sex: **Nam** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**
 Quê quán / Place of origin: **Tân Thuận, Đầm Dơi, Cà Mau**
 Nơi thường trú / Place of residence: **Khuôn B, Phường 9, Thành phố Cà Mau, Cà Mau**

Hồ sơ gia đình / Family record: **1007/2008**
 Date of entry:








ĐẢNG HOÀNG KHAI HỘI CHỢ NGHĨA VIỆT NAM
 Đảng Hoàng Khai Hội Chợ Nghĩa Việt Nam
 HOANG KHAI MARKET
 HOANG KHAI MARKET

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
 Citizen Identity Card

Số / No: **096083009868096083009868**
 Họ và tên / Full name: **NGO THẾ ANH**
 Ngày sinh / Date of birth: **15/07/1983**
 Giới tính / Sex: **Nam** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**
 Quê quán / Place of origin: **Tân Thuận, Đầm Dơi, Cà Mau**
 Nơi thường trú / Place of residence: **Khuôn B, Phường 9, Thành phố Cà Mau, Cà Mau**

Hồ sơ gia đình / Family record: **1007/2008**
 Date of entry:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về vấn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

.....**Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh**
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUI
ngành **Luật học**
hạng **T. bình khá** năm tốt nghiệp 2006
và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

C. 6.3.8.2.49

Số vào sổ

TM26/006

Chữ ký của người được cấp bằng

CỦ NHÂN LUẬT

cho
sinh ngày
TP. HCM
Hiệu trưởng



Khoa trưởng
Ths. NGUYỄN THỊ CAM
PGS.TS. NGUYỄN VĂN LUYẾN

**BỘ TƯ PHÁP
HỌC VIỆN TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN TƯ PHÁP**

Cấp

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

Đào tạo nghiệp vụ luật sư



Cho: Ngô Thế Anh
Ngày, tháng, năm sinh: 15/7/1983
Nơi sinh: Minh Hải
Khóa học: 7 đợt 3 năm 2009 tại TP.HCM
Xếp loại: Trung bình khá

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2010

**BỘ TƯ PHÁP
HỌC VIỆN TƯ PHÁP**



TS. Phan Chí Hiếu

Số hiệu chứng chỉ:
167/QĐ-HVTP

Số vào sổ:
167/QĐ-HVTP

KHÔNG CẤP LẠI

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Số: 9122/TP/LS-CCHN

Cấp cho: Ông Ngô Thế Anh

Sinh ngày: 15 tháng 7 năm 1983

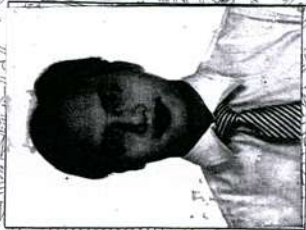
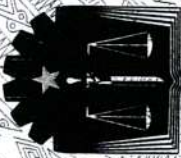
Nơi cư trú: P. 72/4, Minh Mạng-Bạc Liêu

Hiện, P. 73, Lê Man, tỉnh Cà Mau

Được hành nghề theo quy định của Luật Luật sư

Ngày 17 tháng 10 năm 2012

KT. BỘ TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN ĐÔNG



Chữ ký của người được cấp
Chứng chỉ



Nguyễn Văn Đông

PACE

Institute of Leadership & Management

TRƯỜNG DOANH NHÂN PACE
PACE INSTITUTE OF LEADERSHIP & MANAGEMENT

Chứng Nhận
This Is To Certify That

NGÔ THẾ ANH

đã hoàn tất thành công chương trình đào tạo
has successfully completed the training program

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH Chief Financial Officer - CFO

từ ngày 12/11/2011 đến ngày 22/04/2012
from November 12, 2011 to April 22, 2012

tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
in Ho Chi Minh City, Vietnam



GIẢN TƯ TRUNG
Hiệu Trưởng
President

NGUYỄN THỊ THỤC HIỀN
Giám Đốc Giáo Vụ
Faculty Director



DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2008;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2023 ngày 25/4/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022 của Petechim:

- Tổng doanh thu đạt 172,7 tỷ đồng, hoàn thành 49,34% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 3,44 tỷ đồng, hoàn thành 47% kế hoạch năm.

2. Kết quả kinh doanh Công ty mẹ Petechim năm 2022:

- Tổng doanh thu đạt 98 tỷ đồng, hoàn thành 40% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 0,84 tỷ đồng, hoàn thành 28% kế hoạch năm.

3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023:

- Tổng doanh thu: 285 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 6,5 tỷ đồng.

4. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ năm 2023:

- Tổng doanh thu: 200 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 1,5 tỷ đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng tài sản hợp nhất: 308,2 tỷ đồng;
2. Tổng tài sản Công ty mẹ: 259 tỷ đồng.
3. Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 230 tỷ đồng.
4. Vốn chủ sở hữu Công ty mẹ: 203,7 tỷ đồng.
5. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 2,2 tỷ đồng
6. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 0,55 tỷ đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023:

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua các đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022: không chi trả cổ tức; không trích lập các quỹ năm 2022; phương án chi trả thù lao năm 2022 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2023 của HĐQT và BKS với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng số thù lao đã chi của thành viên HĐQT và BKS năm 2022, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 60.000.000 đồng;
- Các thành viên HĐQT: 108.000.000 đồng;
- Trưởng BKS: 36.000.000 đồng;
- Các thành viên BKS: 36.000.000 đồng;
- Phụ trách quản trị Công ty: 24.000.000 đồng;
- Trợ lý phụ trách quản trị công ty: 18.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 282.000.000 đồng.

- Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2023, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 60.000.000 đồng;
- Các thành viên HĐQT: 108.000.000 đồng;
- Trưởng BKS: 36.000.000 đồng;
- Các thành viên BKS: 48.000.000 đồng;
- Phụ trách quản trị Công ty: 24.000.000 đồng;
- Trợ lý phụ trách quản trị công ty: 18.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 294.000.000 đồng.

Trường hợp có sự thay đổi về số lượng thành viên HĐQT, BKS, thù lao của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023:

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Petechim:

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua việc bầu bổ sung Ông Ngô Thế Anh làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty, kể từ ngày 25/4/2023 thay thế Ông Huỳnh Minh Triết nghỉ hưu.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Petechim thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/4/2023. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu VT, HĐQT (03b)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Chính